TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 523/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 437/2020/HNST ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1972;

2. Bà Lâm Thị Thu H1, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 994C/61, Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Lâm Thị Thu H1 tiến tới hôn nhân tự nguyện vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 (mười) năm thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhiều lần tự hòa giải,

hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả do không có tiếng nói chung, sống ly thân từ tháng 04 năm 2019, cả hai xác định tình cảm đã hết, cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông Trần Văn H và bà Lâm Thị Thu H1 chung sống đến nay mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thống nhất thỏa thuận ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Lâm Thị Thu H1 và ông Trần Văn H có hai con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 20/12/1995 (đã trưởng thành) và Trần Hoàng Đ, sinh ngày 04/8/2008; hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn bà H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng Đ, ông H cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng (3.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2020.

Trong trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu H1 và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/04 ngày 31/5/2004 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Bà Lâm Thị Thu H1 và ông Trần Văn H có hai con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 20/12/1995 (đã trưởng thành) và Trần Hoàng Đ, sinh ngày 04/8/2008; sau khi ly hôn bà Hà là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng Đ, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng (3.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt

nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn H và bà Lâm Thị Thu H1 cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0032844 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn H và bà Lâm Thị Thu H1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường C, Quận D; Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT (TK Duyên).[10]

THẨM PHÁN

Lê Thị Phơ